

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2025/DS-PT

Ngày: 22-9-2025

V/v "Tranh chấp về hợp đồng  
vay tài sản"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Thanh Huyền.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Văn Duy.

Ông Phan Minh Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 128/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 188/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn A, phường H1, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Tường V, sinh năm 1999; địa chỉ: Khu phố 8, phường T2, tỉnh Gia Lai (Theo văn bản ủy quyền ngày 14-10-2024). Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố T, phường H2, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Trần Thị Minh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Tường V trình bày:

Năm 2017, bà Nguyễn Thị B cho bà Trần Thị Minh T vay 47.000.000 đồng, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Do bà T không trả tiền nên bà B gửi đơn đến Cơ quan Công an xã H3, thị xã H, tỉnh Bình Định giải quyết. Vào ngày 14-01-2022, tại Công an xã H3, bà Nguyễn Thị B và bà Trần Thị Minh T thỏa thuận ký hợp đồng vay nợ với nội dung bà T thừa nhận nợ bà B 47.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi còn nợ của 3 quý cuối năm 2021 và quý 1 năm 2022 là 4.400.000 đồng, tổng cộng là 51.400.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thời hạn và phương thức trả tiền cụ thể như sau:

- Ngày 15-12-2022 trả 10.000.000 đồng và trả phần lãi 4.400.000 đồng;
- Ngày 15-12-2023 trả 10.000.000 đồng;
- Ngày 15-12-2024 trả 27.000.000 đồng.
- Tiền lãi tính từ quý 2 năm 2022 của số tiền gốc 47.000.000 đồng tính lãi theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank).

Tuy nhiên, đến hạn thanh toán, bà T vẫn không trả tiền gốc và lãi cho bà B theo thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà T trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01-4-2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Lời khai ngày 25-11-2024 và tại phiên tòa, chị Vi chỉ yêu cầu bà T trả cho bà B số tiền 51.400.000 đồng, không yêu cầu về lãi suất chậm trả từ ngày 01-4-2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

## *2. Bị đơn là bà Trần Thị Minh T trình bày:*

Bà thừa nhận, vào ngày 14-01-2022, tại cơ quan Công an xã H3, bà có ký hợp đồng vay nợ của bà Nguyễn Thị B với số tiền gốc và lãi suất tổng cộng 51.400.000 đồng; đồng thời, thỏa thuận mức lãi suất cũng như thời hạn trả tiền gốc và lãi suất đúng như nội dung trong giấy vay nợ mà người đại diện theo ủy quyền của bà B đã trình bày. Giấy vay nợ này là xác định lại số tiền gốc và lãi mà bà đã vay của bà B trước kia, thời gian cụ thể bà không nhớ rõ. Khi đến thời hạn trả nợ, bà đã trả cho bà B 20.000.000 đồng nợ gốc và 4.400.000 đồng lãi suất, thời gian trả tiền và số lần trả bà không nhớ rõ. Vì tin tưởng bà B nên khi trả tiền gốc và lãi suất bà không yêu cầu bà B viết giấy nhận tiền nên bà không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Nay, bà B yêu cầu bà trả 51.400.000 đồng thì bà không đồng ý. Bà chỉ thừa nhận còn nợ bà B 27.000.000 đồng và xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

3. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2025/DS-ST ngày 20-5-2025 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Buộc bà Trần Thị Minh T trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 51.400.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyết định về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

#### 4. *Kháng cáo:*

Ngày 26-5-2025, bị đơn là bà Trần Thị Minh T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 213/2025/DS-ST ngày 20-5-2025 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B vì bà chỉ còn nợ bà Nguyễn Thị B 27.000.000 đồng.

Bản án không bị kháng nghị, nguyên đơn không kháng cáo.

#### 5. *Tại phiên toà phúc thẩm:*

- Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm, người tham gia tố tụng bảo đảm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] [1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Tường V vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Tường V.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Minh T:

Các đương sự đều thừa nhận ngày 14-01-2022, tại Công an xã H3, bà Nguyễn Thị B và bà Trần Thị Minh T thỏa thuận ký hợp đồng vay nợ với nội dung bà T nợ bà B 47.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi còn nợ của 3 quý cuối năm 2021 và quý 1 của năm 2022 là 4.400.000 đồng, tổng cộng là 51.400.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Nguyễn Thị B giao nộp chứng cứ là bản chính của “*Hợp đồng vay nợ*” đề ngày 14-01-2022 (*được Tòa án nhân dân thị xã H đánh bút lục số 31 và 32*).

Bà Trần Thị Minh T kháng cáo cho rằng bà đã trả cho bà Nguyễn Thị B 20.000.000 đồng nợ gốc và 4.400.000 đồng tiền lãi, tuy nhiên bà không nhớ thời gian trả và số lần trả nợ cho bà Nguyễn Thị B, vì tin tưởng bà Nguyễn Thị B nên bà không yêu cầu bà Nguyễn Thị B viết giấy nhận tiền, tính đến nay bà chỉ còn nợ bà Nguyễn Thị B 27.000.000 đồng nợ gốc.

Lời trình bày của bà Trần Thị Minh T không được nguyên đơn thừa nhận; đồng thời, bà Trần Thị Minh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là đúng sự thật.

Bà Trần Thị Minh T đề nghị được trả dần cho bà Nguyễn Thị B mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết 27.000.000 đồng nợ gốc nhưng bà Nguyễn Thị B không chấp nhận và đề nghị này cũng không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Minh T phải trả cho bà Nguyễn Thị B 51.400.000 đồng (trong đó có 47.000.000 đồng nợ gốc và 4.400.000 đồng tiền lãi) là có cơ sở.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Minh T và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Minh T là người cao tuổi và có Đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí phúc thẩm vụ án dân sự đề ngày 03-6-2025 nên bà Trần Thị Minh T được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Minh T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2025/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai).

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Trần Thị Minh T phải trả cho bà Nguyễn Thị B 51.400.000 đồng (Trong đó có 47.000.000 đồng nợ gốc và 4.400.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của khoản tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất được tính theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Minh T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị B được trả lại 1.285.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006814 ngày 22-10-2024 Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Bình Định (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Gia Lai).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Minh T được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 6 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 6 - Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Thị Thanh Huyền**